

Bản án số 07/2022/KDTM-PT  
Ngày 25 - 01 - 2022  
V/v: “Tranh chấp giữa các thành viên  
công ty về việc góp vốn ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

*Các Thẩm phán:* Ông Phan Đức Phương

Ông Lê Thành Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2021/TLPT-KDTM ngày 23 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp giữa các thành viên công ty về việc góp vốn”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2685/2021/QĐ- PT ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (sau đây gọi là Công ty H); địa chỉ: Số 266A, đường L, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Kim T, sinh năm 1954 - Giám đốc; (có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 260/2 đường V, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Bà Phạm Thị Kim A, sinh năm 1977 và ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1977; cùng cư trú tại: Số 09 đường 30/4 Khu phố 4, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ thường trú: Số 168D đường N, khu phố 6, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Nguyễn Thanh N và bà Nguyễn Thị Lê K; địa chỉ: 105E N, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:*

- Luật sư Nguyễn Thị T - Luật sư Công ty luật TNHH PGL N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- Luật sư Lê Thành T - Luật sư Công ty Luật TNHH PGL N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt)

### **3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chợ Cửa khẩu M (sau đây gọi là Công ty M); địa chỉ: Đường 75A khu kinh tế cửa khẩu M, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lê Xuân H, sinh năm 1984 – Giám đốc; có mặt.

3.2. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch & Đầu tư T.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Phạm Hồng T – Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Thẩm:* Bà Phạm Hồng Ngân H – Phó Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh; có đơn giải quyết vắng mặt.

3.3. Ông Võ Thanh Ph, sinh năm 1973; cư trú tại: 10B14, P, khu phố 2, phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn giải quyết vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Hiệp L

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 16-3-2020 và Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngày 28-10-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Năm 2016, Công ty H mua trúng đấu giá toàn bộ tài sản của Công ty M, sau khi trúng giá thì Công ty H tiến hành thực hiện dự án: “*Bãi tập kết phương tiện vận tải chở hàng hóa xuất nhập khẩu chờ làm thủ tục kiểm tra thông quan*” với tổng vốn đầu tư khoảng: 50.000.000.000 đồng và được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9, vào ngày 26/9/2019 với tên gọi là: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chợ Cửa khẩu M, vốn điều lệ: 10.800.000.000 đồng, gồm hai thành viên góp vốn (1) Công ty H, vốn góp 9.795.600.000 đồng chiếm 90,7 %, và (2) ông Võ Thanh Ph, vốn góp 1.004.400.000 đồng, chiếm 9,3 %.

Ngày 29-9-2019 Công ty H sang nhượng 51% vốn điều lệ (tương đương 5.508.000.000 đồng) trong tổng số 90,7% phần vốn góp của Công ty H đã góp

vào Công ty M bằng Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 51% lập ngày 29-9-2019 ký kết giữa Công ty H và Bà Phạm Thị Kim A. Tuy nhiên, giá trị chuyển nhượng thực tế là: 28.050.000.000 đồng. Hai bên lập 02 hợp đồng, trong đó một hợp đồng ghi giá chuyển nhượng là 5.508.000.000 đồng để nộp cho Sở kế hoạch & Đầu tư Tây Ninh và một hợp đồng ghi giá 28.050.000.000 đồng, không ghi ngày tháng, hình thức thanh toán chia làm 02 đợt:

Đợt 1: 6.000.000.000 đồng, ngay sau khi ký kết hợp đồng.

Đợt 2: 22.050.000.000 đồng, sau 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Ngày 21/10/2019 Công ty M được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh, thay đổi lần thứ 10, cơ cấu thành viên và góp vốn như sau: Bà Phạm Thị Kim A góp 5.508.000.000, chiếm 51%; ông Nguyễn Kim T góp 4.287.600.000, chiếm 39,7 %; ông Võ Thanh Ph góp 1.004.400.000, chiếm 9,3%, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Xuân H.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 21/10/2019, thì bà Kim A chỉ chuyển thanh toán vào tài khoản của Công ty H 04 lần số tiền 6.900.000.000 đồng và 01 lần vào tài khoản của Công ty Chợ Cửa Khẩu M số tiền là 100.000.000 đồng, gồm các lần như sau: Ngày 01-11-2019 chuyển 700.000.000 đồng, ngày 09-11-2019 chuyển 100.000.000 đồng, ngày 11-11-2019 chuyển 700.000.000 đồng, ngày 12-11-2019 chuyển 4.500.000.000 đồng, ngày 29-11-2019 chuyển 1.000.000.000 đồng, tổng cộng 05 lần chuyển là 7.000.000.000 đồng.

Cho đến nay bà Kim A chỉ chuyển được số tiền 7.000.000.000 đồng (trong đó có 5.508.000.000 đồng góp vào vốn điều lệ) còn lại số tiền 21.050.000.000 đồng, Bà Phạm Thị Kim A không thanh toán cho Công ty H, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận ghi trong hợp đồng.

Do đó, ngày 16-3-2020, nguyên đơn có Đơn khởi kiện với các nội dung:

1/ Hủy hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 51% (trên tổng vốn điều lệ Công ty TNHH Chợ Cửa khẩu Mộc B) lập ngày 29-9-2019 ký kết giữa Công ty TNHH Hiệp L và Bà Phạm Thị Kim A.

2/ Tuyên bố Bà Phạm Thị Kim A không phải là thành viên vốn góp của Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc B và Công ty TNHH Hiệp L đồng ý hoàn trả cho bà Phạm Kim A, số tiền 7.000.000.000 đồng, đồng ý trả tiền lãi theo quy định.

3/ Hủy giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900357696 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp ngày 06-8-2004; thay đổi lần thứ 10 ngày 21-10-2019 cấp cho Công ty TNHH Chợ khẩu M.

4/ Yêu cầu Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp lại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới với nội dung có thay đổi về thành viên góp vốn vào Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc B.

Đến ngày 28-10-2020 nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc Bà Phạm Thị Kim A, ông Nguyễn Thành Đ thanh toán cho Công ty TNHH Hiệp L số tiền 21.050.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 21/10/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

***Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất trình bày:***

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc đăng ký thành viên, việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty M và các lần đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 26/9/2019 và lần thứ 10 ngày 21/10/2019, về vốn điều lệ và thành viên góp vốn.

Công ty H có ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Kim A 51% vốn điều lệ (tương đương 5.508.000.000 đồng), trong tổng số 90,7% vốn điều lệ của Công ty H đã góp vào Công ty M. Cụ thể quá trình thực hiện việc chuyển nhượng:

Ngày 20/9/2019 Công ty Chợ cửa khẩu Mộc B họp Hội đồng thành viên, lập biên bản số 63/2019/BB-HĐTV (có chữ ký của ông Nguyễn Kim T, ông Võ Thành Ph và ông Lê Xuân H) và ban hành Nghị quyết số 64/2019/NQ-HĐTV thông qua việc đồng ý cho Công ty H chuyển nhượng cho bà Kim A giá trị vốn góp là 5.508.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 51% trên tổng vốn điều lệ của Công ty M và thông qua việc bổ sung thành viên mới là Bà Phạm Thị Kim A vào Hội đồng thành viên của Công ty M mà không làm thay đổi vốn điều lệ ban đầu của Công ty M.

Ngày 29/9/2019 Công ty H do ông Nguyễn Kim T làm đại diện ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Kim A phần vốn góp 5.508.000.000 đồng tương đương tỷ lệ 51% trên tổng vốn điều lệ Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc B. Nền từ ngày 01 đến 12/11/2019 bà Kim A đã chuyển cho Cty Hiệp L số tiền 6.000.000.000 đồng. Trong đó: Bà Kim A đã chuyển tiền mua cổ phần Công ty M số tiền 5.508.000.000 đồng và 492.000.000 đồng để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công trình bãi tập kết phương tiện vận tải, ngày 29/11/2019 bà Kim A tiếp tục chuyển 1.000.000.000 đồng để tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công trình bãi tập kết phương tiện vận tải.

Còn việc ký hợp đồng chuyển nhượng 51% vốn góp không ghi ngày tháng năm 2019, giá ghi 28.050.000.000 đồng là giả tạo; mục đích hai bên ký hợp đồng này nhằm nâng vốn để vay ngân hàng nhưng không vay được. Việc làm hợp đồng nâng giá chuyển nhượng không làm tăng vốn vay nên không làm hồ sơ vay; lý do hai bên không làm biên bản hủy hợp đồng này là do hợp đồng này không hợp lệ, nên không cần thiết làm biên bản để hủy.

Do đó, Bà Phạm Thị Kim A và ông Nguyễn Thành Đ không đồng ý như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh T trình bày:***

Về đăng ký cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Công ty M là đúng pháp luật, cụ thể: Ngày 21/10/2019 Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên cho Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc B, mã số doanh nghiệp 3900357696, đăng ký lần đầu ngày 06/8/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 21/10/2019 vốn điều lệ 10.800.000.000 đồng. Người đại diện theo pháp luật ông Lê Xuân H.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch & Đầu tư tỉnh T không có ý kiến, đề nghị giải quyết theo quy định.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Võ Thanh Ph trình bày:***

Ông PH là thành viên góp vốn vào Công ty M theo giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 26-9-2019, góp 1.004.400.000 đồng, chiếm 9,3% vốn điều lệ. Tháng 9-2019, Công ty H có chuyển nhượng 51% vốn góp (tương đương 5.508.000.000 đồng) trong tổng số 90,7% vốn góp vào Công ty M cho bà Kim A. Sau đó, ông Ph có ký vào biên bản họp Hội đồng thành viên để thực hiện thủ tục thêm thành viên là bà Kim A. Ngày 21-10-2019 Công ty M đăng ký thay đổi chứng nhận kinh doanh lần thứ 10 gồm 3 thành viên góp vốn: Công ty H (39,7%); Bà Phạm Thị Kim A (51%); ông Võ Thanh Ph (9,3%) riêng việc thỏa thuận thanh toán giá như thế nào tôi không biết. Việc tranh chấp giữa Công ty H và bà Kim A tôi không có ý kiến, đề nghị giải quyết theo quy định.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Công ty M do ông Lê Xuân H đại diện trình bày.***

Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là giá trị chuyển nhượng thực tế 51% vốn góp là 28.050.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng này không tổ chức họp Hội đồng thành viên; ông Ph và Công ty H cũng không có thỏa thuận gì khác, chỉ có việc Công ty H thỏa thuận trực tiếp với bà Kim A về việc chuyển nhượng 51% tương đương 28.050.000.000 đồng, sở dĩ ghi Hợp đồng chuyển nhượng 51% tương đương 5.508.000.000 đồng vì khi tiến hành đăng ký thay đổi giấy phép kinh doanh không được ghi vượt quá vốn điều lệ, việc thanh toán giá trị thực tế do các bên thỏa thuận riêng.

Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc B hiện chưa nhận được số tiền 1.492.000.000 đồng để đầu tư xây dựng dự án như phía bị đơn trình bày.

Tranh chấp về việc chuyển nhượng phần vốn góp giữa Công ty H và bà Kim A là tranh chấp giữa 02 thành viên công ty, không ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH Chợ cửa khẩu Mộc B, yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

**Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã quyết định như sau:**

*Áp dụng khoản 4 Điều 30, Điều 37, Điều 38, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 29, Điều 31, Điều 53 Luật Doanh Nghiệp; Áp dụng*

*điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H yêu cầu Phạm Thị Kim A và ông Nguyễn Thành Đ trả số tiền 23.428.538.500 (hai mươi ba tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn năm trăm) đồng.*

*2. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng vốn góp 51% tương đương 28.050.000.000 đồng không ghi ngày tháng năm 2019 giữa Bà Phạm Thị Kim A và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H vô hiệu.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2020, Công ty TNHH Hiệp L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên toà phúc thẩm:*

Bị đơn Công ty TNHH Hiệp L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc Bà Phạm Thị Kim A và ông Nguyễn Thành Đ thanh toán cho Công ty TNHH Hiệp L số tiền 21.050.000.000 đồng và lãi suất theo quy định đến khi xét xử vụ án.

Người đại diện của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà phát biểu: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua hồ sơ thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ giá trị tài sản, tổng vốn đầu tư của Công ty M tại thời điểm chuyển nhượng phần vốn góp cho bị đơn là bao nhiêu? Chưa đối chiếu việc chuyển tiền bị thừa ra so với hợp đồng chuyển nhượng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; lời trình bày của các đương sự, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Về việc xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn trong vụ án, về quan hệ tranh chấp, về việc xác định thẩm quyền, về thời hiệu khởi kiện là đúng khoản 4 Điều 30; Điều 37, Điều 38 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như nhận định của toà án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn:

Theo hồ sơ trong vụ án này tồn tại hai hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của nguyên đơn với Bà Phạm Thị Kim A có nội dung:

1/ Hợp đồng thứ 1 không ngày tháng năm, nguyên đơn chuyển nhượng cho Bà Phạm Thị Kim A 51% vốn góp của mình trong Công ty M với giá 28.050.000.000 đồng.

2/ Hợp đồng ngày 29/9/2019 nguyên đơn chuyển nhượng cho Bà Phạm Thị Kim A 51% vốn góp của mình trong Công ty M với giá 5.508.000.000 đồng.

Nguyên đơn lý giải rằng sở dĩ có 2 hợp đồng trên là do giữa nguyên đơn và bị đơn thoả thuận nguyên đơn chuyển nhượng cho bị đơn 51% vốn góp của mình tại Công ty M cho bị đơn với giá 28.050.000.000 đồng, nhưng do vốn điều lệ của Công ty M chỉ có 10.800.000.000 đồng, nên phải làm hợp đồng với giá 5.508.000.000 đồng theo quy định pháp luật để nộp cho cơ quan có thẩm quyền thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thực tế giá trị chuyển nhượng 51% vốn góp trên là 28.050.000.000 đồng. Do đó, mới có 2 hợp đồng trên.

Bị đơn không thừa nhận có việc chuyển nhượng 51% vốn góp trên với giá 28.050.000.000 đồng, mà giá trị chuyển nhượng là 5.508.000.000 đồng trong hợp đồng ngày 29/9/2019, còn hợp đồng không ngày tháng năm với giá chuyển nhượng là 28.050.000.000 đồng chỉ là hợp đồng giả tạo với mục đích vay tiền để bổ sung vốn cho công ty.

Vấn đề cần xác định trong vụ án này là nguyên và bị đơn chuyển nhượng 51% vốn góp với giá trị là bao nhiêu? 28.050.000.000 đồng hay là 5.508.000.000 đồng.

Ngày 21/10/2019, Công ty M được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, thay đổi lần thứ 10, cơ cấu thành viên góp vốn như sau: Bà Phạm Thị Kim A 51%, Công ty H 39,7%, Võ Thanh Ph 9,3%, người đại diện theo pháp luật là ông Lê Xuân H.

Hồ sơ thể hiện bị đơn đã chuyển tiền thanh toán vào tài khoản của nguyên đơn 04 lần với số tiền 6.900.000.000 đồng; 01 lần vào tài khoản của Công ty M với số tiền 100.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 01/11/2019 chuyển 700.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty H, nội dung: chuyển tiền mua cổ phần.

Ngày 09/11/2019 chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty M, nội dung: chuyển tiền mua cổ phần.

Ngày 11/11/2019 chuyển 700.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty H, nội dung: chuyển tiền mua cổ phần.

Ngày 12/11/2019 chuyển 4.500.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty H, nội dung: chuyển tiền mua cổ phần.

Ngày 29/11/2019 chuyển 1.000.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty H, nội dung: chuyển tiền mua cổ phần.

Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn tổng số tiền là 6.900.000.000 đồng, số tiền này vượt quá số tiền 5.508.000.000 đồng đã ký trong hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 29/9/2019. Tại phiên toà người

đại diện của bị đơn cho rằng số tiền dư là do bị đơn chuyển để đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, qua các nội dung chuyển tiền đều ghi “chuyển tiền mua cổ phần”. Thế nhưng, toà án cấp sơ thẩm lại không làm rõ:

Vì sao bị đơn lại chuyển tiền dư so với hợp đồng chuyển nhượng ngày 29/9/2019? Nếu chuyển nhượng để đầu tư xây dựng Công ty M như bị đơn đã trình bày thì tại sao bị đơn ghi nội dung chuyển tiền là “chuyển tiền mua cổ phần” và lại chuyển cho Công ty H (đối với số tiền vượt quá 5.508.000.000 đồng) mà không phải chuyển cho Công ty M? và cũng chưa làm rõ Công ty M có cần vốn để đầu tư xây dựng thêm hay không? Cần vốn bằng hình thức nào, vay vốn? hay tăng vốn điều lệ? Hay nói cách khác Hội đồng thành viên có chủ trương (Nghị quyết) về việc vay vốn hay tăng vốn điều lệ hay không?

Ngày 09/11/2019 bị đơn chuyển tiền cho Công ty M cũng lại ghi “chuyển tiền mua cổ phần”. Tại phiên toà đại diện Công ty M cho rằng số tiền này bị đơn đã chuyển nhằm vào Công ty M, sau đó các bên đã thoả thuận Công ty M đã chuyển lại cho Công ty H. Toà sơ thẩm cũng chưa làm rõ có việc này hay không? Nếu có thì lý do vì sao các bên phải làm như thế?

Ngoài ra, nguyên đơn còn cho rằng trước, trong và sau khi chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho bị đơn thì giá trị tài sản của Công ty M lớn hơn vốn điều lệ nên có sự thoả thuận giá là 28.050.000.000 đồng, nhưng toà án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ vấn đề này.

Để có đủ cơ sở xác định việc chuyển nhượng vốn góp giữa nguyên bị đơn là bao nhiêu? Cần làm rõ một số vấn đề như Hội đồng xét xử đã phân tích trên mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục tại phiên toà được, nên cần thiết phải huỷ toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho toà án cấp sơ thẩm xét xử lại theo thủ tục chung.

[3] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị huỷ nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết lại sơ thẩm vụ án.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2020/KDTM-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

Chuyển hồ sơ về cho toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty TNHH Hiệp L không phải chịu, được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001541 ngày 05/1/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Tây Ninh (1);
- VKSND tỉnh Tây Ninh (1);
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh (1);
- Các đương sự (5);
- Lưu: hồ sơ (4), VP(2), 16b (MTTT);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thanh Duyên**